BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2010

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY:

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Services JSC.
- Tên viết tắt: PV POWER SERVICES
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 3, tòa nhà Constrexim 8, C7 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà nội.
- Điện thoại: (84-4) 6 2858426 FAX: (84-4) 6 2858425
- Website: http://www.pvps.vn
- Giấy đăng ký kinh doanh số: **0102560459**, cấp sửa đổi lần 3 ngày 01/03/2011.
- Vốn Điều lệ: **150.000.000.000** đ (***Một trăm năm mươi tỷ đồng***./.)
- Mã chứng khoán: **PPS**

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Những sự kiện quan trọng:

- ***Việc thành lập***:

Trước nhưng yêu cầu thực tế khách quan, với mục tiêu chuyên môn hóa công tác dịch vụ kỹ thuật thực hiện các nhiệm vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành các nhà máy điện trong và ngoài ngành Dầu khí, Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) xác định cần có một đơn vị chuyên nghiệp của ngành Dầu khí đảm nhận nhiệm vụ này.

Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV-Power) đã họp và thông qua Đề cương thành lập mới một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Ngày 27/11/2007, Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005 với số vốn Điều lệ là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.).

Nhằm tiếp cận thị trường khu vực phía Nam và mở rộng mạng lưới hoạt động của mình, ngày 28/8/2008, Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt nam (PV POWER SERVICES) thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh để thay mặt PV POWER SERVICES tổ chức, giải quyết và giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại khu vực phía Nam.

Ngày 03/8/2009, PV POWER SERVICES tiếp tục thành lập hai Chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch và Nhà máy điện Cà Mau.

Đến nay, 3 Chi nhánh của Công ty đã đi vào hoạt động ổn định, khẳng định năng lực thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa tại các Nhà máy.

- ***Niêm yết***:

➢ Ngày 28/12/2010, PV POWER SERVICES được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 305/2010/GCNCP-VSD chính thức chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch HNX.

➢ Ngày 05/1/2011, chứng khoán Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam với mã giao dịch **PPS** chính thức chào sàn HNX với khối lượng trên 100.000 giao dịch thành công.

2. **Quá trình phát triển**:

- ***Ngành nghề kinh doanh:***

➢ Dịch vụ vận hành nhà máy điện;

➢ Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;

➢ Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;

- Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình); Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Thi công lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công xây lắp các công trình công nghiệp;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông;
- Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin.

- ***Tình hình hoạt động***: (*Biểu 1*)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tình hình hoạt động qua các năm					
			Năm 2008	Tỷ trọng/DT thuần	*Năm 2009*	Tỷ trọng/DT thuần	*Năm 2010*	Tỷ trọng/DT thuần
I	**Doanh thu thuần**		**124.12**		**1,123.48**		**839.16**	
1	Do Nhà thầu OEM thực hiện	tỷ đ	118.61	95.56%	1,079.98	96.13%	670.00	79.84%
2	Do PVPS tự thực hiện	tỷ đ	5.51	4.44%	43.50	3.87%	169.16	20.16%
II	**Chi phí sản xuất**							
1	Giá vốn hàng bán		120.37	96.98%	1,099.18	97.84%	792.00	94.38%
	Do Nhà thầu OEM thực hiện	tỷ đ	118.61	95.56%	1,079.98	96.13%	670.00	79.84%
	Do PVPS tự thực hiện	tỷ đ	1.76	1.42%	19.20	1.71%	122.00	14.54%
2	Chi phí quản lý DN	tỷ đ	13.08	10.54%	18.49	1.65%	22.69	2.70%
III	**Lợi nhuận**							
1	Lợi nhuận gộp	tỷ đ	3.75		24.30		47.15	
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	tỷ đ	1.46		16.33		36.92	
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	1.04		13.44		27.64	
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ	91.58		1,180.00		1,911.00	

Ghi chú: Chỉ tiêu **Tỷ trọng doanh thu do PV POWER SERVICES tự thực hiện/Doanh thu thuần** phản ánh tỷ lệ nội địa hóa công tác dịch vụ kỹ thuật qua từng năm của PV POWER SERVICES.

3. Định hướng phát triển

3.1. *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty*:

- Phát triển ngành dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất điện và công nghiệp dựa trên cơ sở các Dự án điện trong và ngoài ngành Dầu khí….. đồng thời tích cực mở rộng hợp tác xuất khẩu dịch vụ ra nước ngoài, đặc biệt là các nước trong khu vực.
- Phát triển thương hiệu PV POWER SERVICES bền vững, hiệu quả, an toàn, mang tính đa ngành và liên ngành;
- Linh hoạt và năng động, phù hợp với sự phát triển của thực tế nhưng phải táo bạo, chủ động tìm kiếm các giải pháp công nghệ cao có tính đón đầu, áp dụng mạnh mẽ và hiệu quả quá trình chuyển giao công nghệ cao và đặc thù để rút ngắn thời gian thực hiện công việc, tăng tỷ lệ nội địa hóa trong công tác dịch vụ kỹ thuật;
- Cơ cấu phát triển lấy dịch vụ phục vụ cho sản xuất điện làm chủ đạo, đồng thời chú trọng phát triển dịch vụ sang các ngành công nghiệp khác và phát triển sản xuất phụ tùng thay thế phục vụ sản xuất điện và phục vụ các ngành công nghiệp khác;
- Phát triển theo hướng phát huy nội lực đồng thời tranh thủ tận dụng các nguồn lực bên ngoài để phát triển trên thị trường trong nước cũng như nhanh chóng hòa nhập thị trường khu vực và thế giới;
- Coi trọng cong người là yếu tố then chốt, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên trình độ cao, tác phong công nghiệp, kỷ luật nghiêm ngặt, xây dựng bộ máy quản lý, điều hành và trực tiếp sản xuất chuyên nghiệp
- Phát triển đi đôi với bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng.

3.2. *Chiến lược phát triển trung và dài hạn*:

- Xây dựng PV POWER SERVICES thành một đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, đến 2015 phấn đấu đảm nhận được 60 - 80% dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện của PVPower.
- Bám sát chiến lược phát triển của Tổng Công ty đã được Tập đoàn phê duyệt: Phát triển nhanh, mạnh bền vững, lấy hiệu quả và năng lực cạnh tranh làm cơ sở đánh giá mọi hoạt động. Tập trung trọng tâm dịch vụ vào các công trình ngành điện lực dầu khí, đặc biệt hướng tới các phát triển đa dịch vụ trong và ngoài ngành. Tăng nhanh tỷ trọng các công việc đòi hỏi kỹ thuật và công nghệ cao; phát huy năng lực sẵn có, mạnh dạn đầu tư, liên danh, liên kết mở rộng và phát triển sản xuất để khai thác tối đa nguồn lực nhằm mang lại hiệu quả cao cho Công ty và Tổng Công ty.
- Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.
- Các chỉ tiêu chính của PV POWER SERVICES trong giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

(Biểu 2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch các năm						Tăng trưởng bình quân (%)
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng	
1	**Vốn chủ sở hữu**	**tỷ đ.**	**154.4**	**158.1**	**162.2**	**166.6**	**171.4**		
	Trong đó:								
	- Vốn điều lệ	tỷ đ.	150.0	150.0	150.0	150.0	150.0		
2	**Tổng doanh thu**	**tỷ đ.**	**1,088.6**	**1,563.7**	**1,133.0**	**1,367.0**	**1,607.2**	**6,759.5**	**16.94%**
3	**Lợi nhuận thự hiện trước thuế TNDN**	**tỷ đ.**	**30.3**	**33.0**	**36.0**	**39.3**	**42.8**	**181.4**	**9.04%**
4	**Lợi nhuận sau thuế**	**tỷ đ.**	**22.7**	**24.8**	**27.0**	**29.4**	**32.1**	**136.0**	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn ĐL	%	15.14%	16.51%	18.00%	19.63%	21.40%		
	Lãi ròng	tỷ đ.	17.0	18.6	20.3	22.1	24.1	**102.0**	
	Tỷ suất lãi ròng/Vốn ĐL	%	11.36%	12.38%	13.50%	14.72%	16.05%		
	Thu nhập trên 1 cổ phần	đ/cp	1,135.5	1,238.1	1,350.1	1,472.1	1,605.2		
5	**Thuế và các khoản phải nộp NSNN**	**tỷ đ.**	**156.8**	**203.7**	**138.4**	**148.4**	**134.4**	**781.7**	**3.83%**

Ghi chú:

- *Các chỉ tiêu về doanh thu, mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 – 2015 đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 12/QĐ/HĐQT – DVKT ngày 08/02/2010.*
- *Riêng năm 2011, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, nộp Ngân sách đã được điều chỉnh cho phù hợp với thực tế và đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) thông qua bởi Nghị quyết số 27/NQ/HĐTV – ĐLDK ngày 21/3/2011 và Nghị quyết số 32/NQ/HĐTV - ĐLDK ngày 07/04/2011.*

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

- Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 làm cơ sở pháp lý và nhiệm vụ cụ thể để Ban quản lý điều hành PV POWER SERVICES thực hiện;
- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 31/NQ/ĐHCD-DVKT ngày 29/1/2010 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 đã thông qua việc niêm yết chứng khoán trên sàn giao dịch HNX, ngày 5/1/2011, mã chứng khoán PPS của Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV POWER SERVICES) chính thức chào sàn HNX;
- Phê duyệt dự toán "Mua sắm vật tư dự phòng chiến lược đợt 1 cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2", giá trị dự toán trên 120 tỷ đồng;
- Phê duyệt Dự toán thuê nhà thầu phụ Alstom trong việc cung cấp vật tư, chuyên gia phục vu công tác bảo trì, bảo dưỡng Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 trong 108.000 giờ vận hành (EOH) đầu tiên (tương đương 12 năm). Giá trị dự toán trên 2.500 tỷ đồng.
- Phê duyệt phương án "Thuê dài hạn nhà văn phòng tại tòa nhà HH3 – Mỹ Đình – Hà nội", giá trị trên 30 tỷ đồng.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch: *(Biểu 3)*

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	% so với Kế hoạch
Doanh thu thuần	tỷ đ	649.86	839.16	129.13%
Trong đó : Tỷ lệ nội địa hóa/Doanh thu thuần	%	12.62%	20.16%	
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	29.46	36.92	125.33%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	22.10	27.64	125.05%
Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá	%	10.19%		0.00%

Ghi chú: *Tỷ lệ trả cổ tức năm 2010 sẽ được công bố chính thức sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.*

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Năm 2010 là năm đầu tiên PV POWER SERVICES đảm nhận công tác đại tu NHÀ MÁY ĐIỆN Cà Mau 1. Đây là sự kiện trọng đại không chỉ riêng của PV POWER SERVICES mà còn của PV Power/PVN. Việc đưa tổ máy GT11/GT12 (tua bin khí) trở lại vận hành ổn định, đạt công suất cao đã chứng tỏ tay nghề của đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật của PV POWER SERVICES ngày càng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu của công tác bảo trì, sửa chữa và bước đầu khẳng định mục đích đúng đắn của PVN/PV Power khi thành lập công ty;
- Năm 2010 cũng đánh dấu một bước trưởng thành của đội ngũ công nhân, kỹ sư của Công ty khi đảm nhận thành công công tác chạy thử Giàn nén khí Rồng – Đồi Mồi do Liên doanh VietsoPetro làm chủ đầu tư, và thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa cho các Nhà máy điện khác ngoài ngành. Tạo tiền đề để Công ty tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động.
- Khẳng định khả năng chuyên môn và năng lực thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng tại các Nhà máy điện, năm 2010 cũng là năm khởi đầu cho PV POWER SERVICES hướng tới việc phát triển một hình thức dịch vụ mới: **Dịch vụ đào tạo nguồn nhân lực**. Thông qua việc liên kết với Trường cao đẳng nghề Dầu khí, PV POWER SERVICES đã thực hiện hướng dẫn thực

tập nghề cho các sinh viên của Trường do chính cán bộ kỹ thuật của PV POWER SERVICES thực hiện và biên soạn giáo trình.

- Năm 2010, PV POWER SERVICES chính thức thực hiện Dự án đầu tư thuê dài hạn văn phòng làm trụ sở chính sau thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư theo đúng quy trình, thủ tục đầu tư theo luật định nhằm ổn định nơi làm việc, tạo tâm lý yên tâm, gắn bó với Công ty cho CBCNV.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Theo chiến lược phát triển của PVN/PV Power là xây dựng PV POWER SERVICES trong giai đoạn 2011-2015 và định hướng phát triển đến năm 2025 thành một đơn vị chuyên cung cấp dịch vụ kỹ thuật hàng đầu Việt nam trong lĩnh vực bảo trì, sửa chữa và vận hành các nhà máy điện. Trước mắt, PV POWER SERVICES cần khẳng định năng lực thực hiện các Dự án điện do ngành Dầu khí triển khai thực hiện hoặc làm chủ đầu tư như: Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Nhiệt điện Vũng Áng, Long Phú, Thái Bình…..
- Nâng cao chất lượng dịch vụ, hoàn thiện tiến trình chuyên môn hóa trong sản xuất, tăng cường tiếp cận và nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến đảm bảo khả năng tự thực hiện dịch vụ kỹ thuật trong nước, giảm tỷ lệ tham gia của các Nhà thầu nước ngoài.
- Hiện đại hóa năng lực sản xuất, khẳng định trình độ chuyên môn của đội ngũ kỹ thuật, triển khai đa dạng hóa các hình thức dịch vụ kỹ thuật trong và ngoài ngành Dầu khí, phục vụ cho công nghiệp và tiêu dùng.
- Tiến tới cung cấp dịch vụ ra các nước trong khu vực Asia và quốc tế, làm nền tảng để đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phục vụ nhiều ngành nghề công nghiệp khác.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1. ***<u>Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán</u>***: *(Biểu 4)*

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010
1	**Khả năng thanh toán**			
	- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.23	1.08
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.16	0.26
2	**Cơ cấu vốn**			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.80	0.91
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3.96	9.90
3	**Năng lực hoạt động**			
	- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	64.49	1.16
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1.77	0.47
4	**Khả năng sinh lợi**			
	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1.20%	3.29%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11.09%	18.91%
	- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3.09%	2.28%

1.2. ***Phân tích những biến động***:

Qua báo cáo tại *Biểu 3*, cho thấy doanh thu thực hiện 2010 của PV POWER SERVICES vượt so với kế hoạch 29.13% phản ánh các hoạt động chủ yếu sau:

- *Các yếu tố trượt giá tại từng thời điểm thanh toán đã quy định trong Hợp đồng OEM và chênh lệch tỷ giá thiết bị nhập khẩu của Nhà thầu OEM tại thời điểm ghi nhận doanh thu và thời điểm lập kế hoạch cho phép ghi nhận doanh thu tăng so với kế hoạch. Về cơ bản, doanh thu từ hoạt động này không phát sinh lợi nhuận;*
- *Hợp đồng bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy điện Cà mau được Chủ đầu tư (PVPower) thống nhất điều chỉnh giá trị sau kết quả đàm phán mua bán điện với Tập đoàn Việt Nam (EVN) cho phép PV POWER SERVICES ghi nhận thêm giá trị đã thực hiện từ các năm trước;*
- *Giá trị tự thực hiện của PV POWER SERVICES tại các nhà máy điện Cà Mau, Nhơn Trạch 1 trong năm 2010 được Chủ đầu tư xác nhận cũng tăng so với kế hoạch;*
- *Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2010 đạt 12.66 tỷ đồng vượt 5.66 tỷ so với kế hoạch (7.2 tỷ đồng).*

Loại trừ những yếu tố có tính chất lịch sử, giá trị được ghi nhận doanh thu do PV POWER SERVICES thực hiện trong năm 2010 cho thấy sự tiến bộ về năng

lực chuyên môn, kỹ thuật, khả năng tự đảm nhận các phần việc ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao. Minh chứng cho sự nỗ lực của ban quản lý điều hành cùng toàn thể CBCNV PV POWER SERVICES, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 của PV POWER SERVICES đạt 36.92 tỷ đồng, tăng 25% so với kế hoạch (29.46 tỷ đồng).

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo:

- Giá trị ròng của Doanh nghiệp tại 31/12/2010 : 164.164.577.922 đ
- Số lượng cổ phần hiện hữu : 15.000.000 cp
- Giá trị ghi sổ của cổ phiếu tại 31/12/2010:

$$\textbf{Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu} = \frac{\textbf{(Giá trị ròng của doanh nghiệp)}}{\textbf{(Tổng số cổ phần – cổ phiếu quỹ)}}$$

$$\frac{\textbf{164.164.577.922}}{\textbf{15.000.000}} = \textbf{10.944đồng/CP}$$

1.4. ***Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp***: **Không có**

1.5. ***Tổng số cổ phiếu***: 15.000.000 cổ phiếu phổ thông, trong đó:

- 10.373.703 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng do các cổ đông là nhân sự chủ chốt và các cổ đông lớn nắm giữ;
- 4.626.297 cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

1.6. ***Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại***: 15.000.000 cổ phiếu

1.7. ***Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn***:

(Biểu 5)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Dự kiến 2010
1	Tỷ lệ trả cổ tức	0,69%	8,8%	13,82%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: *(Biểu 6)*

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	đ	634,886,461,356	1,789,648,607,900	281.88%
Doanh thu thuần	đ	1,123,475,843,983	839,155,333,649	74.69%
Trong đó : Tỷ lệ nội địa hóa/Doanh thu thuần	%	3.87%	20.16%	
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	đ	16,310,679,708	37,119,642,109	227.58%
Lợi nhuận trước thuế	đ	16,326,861,520	36,922,798,449	226.15%
Lợi nhuận sau thuế	đ	13,434,835,754	27,637,119,745	205.71%
Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá	%	8.85%		0.00%

Ghi chú: *Tỷ lệ trả cổ tức năm 2010 sẽ được công bố chính thức sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.*

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được :

3.1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Từng bước cơ cấu lại Doanh nghiệp phân định rõ trách nhiệm từng bộ phận, phòng ban, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.
- Phân cấp, phân quyền cũng như giao trách nhiệm cao hơn nữa cho các trưởng bộ phận để nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong quản lý, tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm lao động và hiệu quả công việc của CBCNV.
- Về công tác quản lý Công ty đang thực hiện việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong toàn Công ty và thực hiện các biện pháp quản lý các hoạt động của Công ty;
- Hoàn thiện bộ máy: Tập trung xây dựng và cũng cố lực lượng nhân sự, cơ chế hoạt động, quy trình, chính sách chuẩn chuyên nghiệp, v.v. sẵn sàng cho giai đoạn phát triển mới.
- Nghiên cứu triển khai áp dụng các chương trình phần mềm quản lý vào công tác quản trị văn phòng Công ty, sử dụng tài sản công ty hợp lý.
- Các công cụ đo lường, đánh giá theo các tiêu chí và mục tiêu chất lượng của hệ thống, quy chế kiểm soát nội bộ.

3.2. Các biện pháp kiểm soát:

- Phát huy văn hóa và thương hiệu doanh nghiệp:
  - ➢ Tiếp tục đề cao tinh thần đoàn kết, đồng thuận, tính kỉ luật, chủ động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm cá nhân.
  - ➢ Đưa các hoạt động của doanh nghiệp dần đi vào chuyên nghiệp hơn: từ qui trình công việc, logo, trang phục,...
  - ➢ Hợp tác với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, đặc biệt là các Tập đoàn nước ngoài để tiếp thu khoa học quản lí, công nghệ , phong cách làm việc, tiếp thu tư duy mới trong quản trị, điều hành doanh nghiệp.
- Công tác nhân sự và tuyển dụng, đào tạo: Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên Công ty được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty được lập từ đầu các năm. Tổng số CBCNV Công ty có 283 người, làm việc tại Văn phòng Công ty, các Chi nhánh; điều kiện làm việc được đảm bảo an toàn và ổn định; chế độ lương theo quy chế tiền lương của HĐQT Công ty phê chuẩn và Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, bảo hộ lao động … theo quy định của pháp luật hiện hành.

Với phương châm con người là yếu tố quyết định thành công của Công ty. Đầu tư con người là đầu tư cho sự phát triển bền vững.

- ➢ Ban hành Quy chế tuyển dụng đảm bảo lựa chọn được những nhân tài có năng lực cao cho Công ty. Hằng năm, tùy thuộc vào yêu cầu phát triển, công ty luôn chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ tổng thể.
- ➢ Công ty chủ trương khuyến khích, hỗ trợ cán bộ nhân viên có nhu cầu, có năng lực đi học các lớp nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt kiến thức về quản trị kinh doanh tại các trường trong nước cũng như học ngắn hạn ở nước ngoài.
- Chính sách nuôi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực: Công ty cũng tập trung nhiều vào chính sách phúc lợi, điều chỉnh qui chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ

sở, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động trong Công ty. Thực hiện việc khen thưởng nhằm tôn vinh những cá nhân có nhiều cống hiến, cam kết làm việc lâu dài và là những CBCNV tiềm năng của Công ty. Các CBCNV này được chú trọng đào tạo phát triển và được xem xét vào vị trí quản lý chủ chốt của Công ty.

- Tiếp tục nâng cao thu nhập cho người lao động tương xứng với hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thu nhập phải đảm bảo người lao động và gia đình họ yên tâm công tác vì sự nghiệp phát triển chung, thu hút được nhân tài, đánh giá công bằng, khuyến khích cá nhân có năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong công việc.
- Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật:

Chính quyền cùng với công đoàn đã phát động phong trào thi đua trong các bộ phận sản xuất và toàn Công ty. Qua các phong trào thi đua có sơ kết, tổng kết để động viên, khen thưởng kịp thời các đơn vị cá nhân xuất sắc. Ngoài ra công ty thưởng các ngày lễ lớn 30/4, 1/5, 2/9 và dịp cuối năm (lương tháng 13; thưởng theo danh hiệu thi đua; thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch,…). Bên cạnh đó còn có các chế độ đãi ngộ khác như: nghỉ mát, du lịch, khám chữa bệnh…

- Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng an toàn lao động:

➢ Ban hành và giám sát thường xuyên việc thực hiện nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động tại các công trường. Công ty đã thành lập Hội đồng bảo hộ lao động để tổ chức thực hiện hệ thống bảo hộ lao động.

➢ Công tác an toàn vệ sinh lao động được đảm bảo, tổ chức tập huấn và cấp chứng chỉ ATLĐ cho người lao động. Cấp phát kịp thời các trang bị bảo hộ lao động cho CBCNV, thành lập đoàn kiểm tra và thường xuyên kiểm tra tại nơi làm việc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Qua 3 năm đi vào hoạt động, rút kinh nghiệm từ thực tế, PV POWER SERVICES đã đề ra đề án phát triển đến năm 2015 với mục tiêu cụ như sau:

Đảm nhận toàn bộ Nhân công sửa chữa cho các nhà máy điện của PVN để tối ưu hóa Nhân lực sửa chữa trên cơ sở tập trung thực hiện các hợp đồng bảo trì đã có và chuẩn bị lực lượng tiếp nhận thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện than của PVN và PV Power như Vũng Áng, Thái bình, Long phú….

Cụ thể:

- Thực hiện tốt công tác bảo trì bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên các nhà máy điện mà hiện nay Tập đoàn Dầu khí đang giao cho PV POWER SERVICES như: Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2.
- Tham gia thực hiện các công trình bảo trì bảo dưỡng cho các nhà máy điện ngoài ngành, các nhà máy công nghiệp, các công trình biển. Qua việc tương tác này trình độ của lực lượng sửa chữa được nâng cao cũng như việc thể hiện được chất lượng dịch vụ của PV POWER SERVICES đã cung cấp. Đồng thời, xây dựng dần được thương hiệu PV POWER SERVICES trong lĩnh vực bảo trì và sửa chữa các thiết bị thuộc nhiều lĩnh vực trong ngành Công nghiệp nặng.
- Cung cấp nguồn nhân lực cho các nhà thầu trong và ngoài nước. Đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao của PV POWER SERVICES.
- Tận dụng khai thác những lợi thế mà PV POWER SERVICES hiện nay đang có đó là lực lượng sửa chữa có tay nghề cao và kinh nghiệm trong lĩnh vực sửa chữa nhà máy điện cần phát huy việc tổ chức hợp tác đào tạo “hướng dẫn thực tập“ cho các nhà máy điện mới, trung tâm đào tạo...
- Để thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên hay định kỳ cần phải có nguồn vật tư dự phòng sẵn sàng, nhà cung cấp vật tư tin cậy. Do vậy cần thiết phải xây dựng và lập mạng lưới cung cấp vật tư từ những nhà sản suất, nhà cấp hàng tiềm năng để chủ động trong việc mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác bảo trì sửa chữa.
- Tăng cường liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, các nhà cung cấp chế tạo thiết bị để tham quan, học hỏi và phối hợp tổ chức các khóa

đào tạo kỹ thuật chuyên nghành bảo trì sửa chữa và quản lý kỹ thuật đồng thời có kế hoạch hợp tác trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Trong đó, nhiệm vụ năm 2011 là:

- Xây dựng hệ thống quản lý nhân sự thống nhất trong toàn công ty;
- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc của Công ty;
- Xây dựng và phát triển hệ thống đánh giá cán bộ thường xuyên hàng năm;
- Lập quy hoạch đào tạo cán bộ cụ thể cho từng đơn vị, từng chuyên ngành phù hợp với chiến lược phát triển chung của Tổng công ty từ nay đến năm 2025 dựa trên tiêu chuẩn chức danh đã được đánh giá;
- Thực hiện có hiệu quả cơ chế phân cấp trong công tác đào tạo tại các đơn vị thành viên;
- Xây dựng chương trình đào tạo bắt buộc (quản lý - kỹ thuật - ngoại ngữ) cho cán bộ lãnh đạo đương chức, cán bộ nguồn trước khi bổ nhiệm, đặc biệt, cán bộ trước khi bổ nhiệm bắt buộc phải trình độ tiếng Anh theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh, xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng vị trí công việc cần đến ngoại ngữ;
- Đào tạo cán bộ quản lý, chuyên gia trong nước hoặc nước ngoài để có thể đáp ứng được công tác luân chuyển cán bộ trong nội bộ công ty. Cử cán bộ quản lý, chuyên viên có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đi học tập tại các trung tâm đào tạo của nước ngoài;
- Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ CNKT, cán bộ kỹ thuật (trung cấp - cao đẳng) lành nghề, có kinh nghiệm nhằm đảm bảo công tác bảo dưỡng sửa chữa an toàn, chất lượng và tiến độ các Nhà máy điện. Tổ chức đào tạo và tái đào tạo lại đội ngũ CNKT tại các nhà máy điện nhằm cập nhật thông tin và công nghệ mới trong dịch vụ sữa chữa các thiết bị điện;
- Chuẩn bị nguồn nhân lực cao để sẵn sàng trong việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện trong những năm tiếp theo của Tổng công ty và Tập đoàn dầu khí;
- Tập trung đào tạo chuyên môn sâu cho các cán bộ, kỹ thuật viên và công nhân lành nghề : cơ khí, cơ nhiệt, điện, tự động.

IV. Báo cáo tài chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số 198, phố Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**1.750.941.960.737**	**623.384.910.466**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**110.086.101.585**	**98.143.523.722**
1. Tiền	111		5.086.101.585	7.243.956.448
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.000.000.000	90.899.567.274
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**30.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	-	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**171.947.974.745**	**460.724.123.419**
1. Phải thu khách hàng	131		160.439.566.749	458.284.866.716
2. Trả trước cho người bán	132		11.142.295.566	619.826.183
3. Các khoản phải thu khác	135		366.112.430	1.819.430.520
IV. Hàng tồn kho	**140**	**6**	**1.334.090.039.224**	**33.826.191.850**
1. Hàng tồn kho	141		1.334.090.039.224	33.826.191.850
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**134.817.845.183**	**691.071.475**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.352.274	30.843.750
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		133.916.689.325	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		886.803.584	660.227.725
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)	**200**		**38.706.647.163**	**11.501.550.890**
I. Tài sản cố định	**220**		**8.556.048.437**	**5.415.050.794**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	8.515.467.210	5.364.947.836
- Nguyên giá	*222*		*11.791.759.665*	*6.687.975.889*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(3.276.292.455)*	*(1.323.028.053)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		40.581.227	50.102.958
- Nguyên giá	*228*		*153.117.750*	*112.717.750*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(112.536.523)*	*(62.614.792)*
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**5.040.000.000**	**5.040.000.000**
1. Đầu tư dài hạn khác	258	8	5.040.000.000	5.040.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**25.110.598.726**	**1.046.500.096**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	25.084.998.726	1.036.500.096
2. Tài sản dài hạn khác	268		25.600.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**1.789.648.607.900**	**634.886.461.356**

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

3

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số 198, phố Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**1.625.484.029.978**	**506.801.653.884**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.625.356.618.912**	**506.720.204.974**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	6.850.000.000	19.789.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.591.443.083.554	442.508.809.245
3. Người mua trả tiền trước	313		4.829.191.718	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	8.670.136.931	34.998.254.156
5. Phải trả người lao động	315		2.523.270.105	2.915.207.457
6. Chi phí phải trả	316		173.401.464	853.830.754
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	10.699.772.392	5.655.103.362
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		167.762.748	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**127.411.066**	**81.448.910**
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		127.411.066	81.448.910
B. NGUỒN VỐN (400=410)	**400**	**13**	**164.164.577.922**	**128.084.807.472**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**164.164.577.922**	**128.084.807.472**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	113.825.630.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(15.647.096.304)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.435.157.747	91.674.172
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		717.578.874	45.837.086
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27.658.937.605	14.121.666.214
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**1.789.648.607.900**	**634.886.461.356**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Phan Đại Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày tháng năm 2011

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số 198, phố Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**	**14**	**839.155.333.649**	**1.123.475.843.983**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		839.155.333.649	1.123.475.843.983
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	792.002.867.615	1.099.177.057.214
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**47.152.466.034**	**24.298.786.769**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	12.856.223.500	10.503.910.071
6. Chi phí tài chính	22	17	200.646.362	11.431
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*200.646.362*	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.688.401.063	18.492.005.701
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**37.119.642.109**	**16.310.679.708**
9. Thu nhập khác	31		165.272.719	16.181.812
10. Chi phí khác	32		362.116.379	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(196.843.660)**	**16.181.812**
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**36.922.798.449**	**16.326.861.520**
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	9.285.678.704	2.892.025.766
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**27.637.119.745**	**13.434.835.754**
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.911	1.180

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Phan Đại Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày tháng năm 2011

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số 198, phố Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	***1***		***36.922.798.449***	***16.326.861.520***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	2		2.003.186.133	927.038.309
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(15.647.096.304)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(12.856.117.867)	(9.808.045.567)
Chi phí lãi vay	6		200.646.362	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***8***		***10.623.416.773***	***7.445.854.262***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		154.223.350.157	(358.574.153.548)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(1.300.263.847.374)	(33.565.142.982)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.119.065.941.466	362.820.007.652
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(24.032.007.154)	1.424.855.776
Tiền lãi vay đã trả	13		(200.646.362)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.113.432.142)	(421.634.678)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		25.600.000	887.962.412
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.079.717.073)	(92.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(47.751.341.709)***	***(20.074.651.106)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.134.183.776)	(730.693.846)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(495.539.257.189)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		532.822.074.898	90.899.567.274
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(25.939.567.274)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.497.784.534	8.169.262.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***44.646.418.467***	***72.398.568.235***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		36.174.370.000	648.330.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		16.823.119.669	19.789.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(29.757.125.224)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.192.863.340)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***15.047.501.105***	***20.437.330.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**11.942.577.863**	**72.761.247.129**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**98.143.523.722**	**25.382.276.593**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**110.086.101.585**	**98.143.523.722**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Phan Đại Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày tháng năm 2011

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 0103021005 ngày 27/11/2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 2 (bao gồm thay đổi mã số doanh nghiệp là 0102560459) ngày 13/10/2010.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh là 150.000.000.000 đồng, tương ứng với 15 triệu cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty đăng ký tại 198 Nguyễn Tuân, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Văn phòng giao dịch tại Tầng 3-C7, toàn nhà Constrexim 8, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và các Chi nhánh:

- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại số 25-27 Đường số 1, Cư xá Chu Văn An, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Cà Mau tại xã Khánh Xã, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi nhánh Nhơn Trạch tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Ngành, nghề kinh doanh

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: Bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho nhành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Thi công xây lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công xây lắp các công trình công nghiệp;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hành Công ty kinh doanh;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông;
- Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại Hà Nội, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Cà Mau và Chi nhánh Nhơn Trạch sau khi loại trừ các giao dịch và số dư nội bộ (nếu có).

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010 Số năm
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán, phần mềm quản lý, giá mua của các phần mềm mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được lập khi Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó và có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 tăng 15.647.096.304 VND và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 31/12/2010, Công ty không có tài sản cũng như công nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị tài sản và công nợ ghi sổ được trình bày trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập có thể được sử dụng trong tương lai.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	2.590.967.371	1.210.301.876
Tiền gửi ngân hàng	2.495.134.214	6.033.654.572
Các khoản tương đương tiền	105.000.000.000	90.899.567.274
Cộng	**110.086.101.585**	**98.143.523.722**

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2009 thể hiện giá trị Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2009/HĐTG-PVPS ngày 22/8/2009 với giá trị 30 tỷ đồng theo kỳ hạn 6 tháng và lãi suất 8,3%/năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.315.538.920	4.280.281.797
Công cụ, dụng cụ	569.881.216	959.355.646
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.298.204.619.088	28.586.554.407
Cộng	1.334.090.039.224	33.826.191.850
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	**1.334.090.039.224**	**33.826.191.850**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 31/12/2009	169.666.666	2.987.491.222	3.530.818.001	6.687.975.889
Tăng trong năm	1.938.751.573	880.536.022	2.284.496.181	5.103.783.776
Tại ngày 31/12/2010	2.108.418.239	3.868.027.244	5.815.314.182	11.791.759.665
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 31/12/2009	3.551.395	710.554.770	608.921.888	1.323.028.053
Khấu hao trong năm	475.837.001	1.003.987.050	473.440.351	1.953.264.402
Tại ngày 31/12/2010	479.388.396	1.714.541.820	1.082.362.239	3.276.292.455
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	**166.115.271**	**2.276.936.452**	**2.921.896.113**	**5.364.947.836**
Tại ngày 31/12/2009	**1.629.029.843**	**2.153.485.424**	**4.732.951.943**	**8.515.467.210**

8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Giá trị đầu tư dài hạn khác là giá trị vốn góp vào Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí (PV Tech) với số tiền 5.040.000.000 đồng, tương ứng với 504.000 cổ phần và chiếm 14% vốn điều lệ.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	105.510.418
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	623.908.933
Chi phí dài hạn khác (i)	25.084.998.726	307.080.745
Cộng	**25.084.998.726**	**1.036.500.096**

Ghi chú: (i) Chi phí trả trước dài hạn khác tại ngày 31/12/2010 bao gồm số tiền thuê nhà Công ty đã thanh toán trước với giá trị 24,4 tỷ đồng cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên theo hợp đồng thuê số 19/HĐTVP/IIII3 ký ngày 21/6/2010.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	6.850.000.000	19.789.000.000
Cộng	**6.850.000.000**	**19.789.000.000**

Vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2010 thể hiện giá trị của các hợp đồng vay ngắn hạn tại các Ngân hàng:

- Hợp đồng tín dụng số 1404/HĐTD/NH-PN/TCB ký ngày 30/12/2010 với số tiền 4.750.000.000 đồng theo lãi suất 15,5%/năm và kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam.
- Hợp đồng tín dụng số 1411/HĐTD/NH-PN/TCB ký ngày 31/12/2010 với số tiền 2.100.000.000 đồng theo lãi suất 15,5%/năm và kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	-	30.702.975.534
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.251.242.127
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.064.272.328	2.892.025.766
Thuế thu nhập cá nhân	605.864.603	152.010.729
Cộng	**8.670.136.931**	**34.998.254.156**

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	332.974.552	283.337.447
Bảo hiểm xã hội	-	83.135
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.126.820	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.356.971.259	5.371.682.780
Bảo hiểm thất nghiệp	1.699.761	-
Cộng	**10.699.772.392**	**5.655.103.362**

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND		VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	113.177.300.000	-	-	-	916.741.718
Tăng vốn trong năm	648.330.000	-	-		-
Trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	91.674.172	45.837.086	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.434.835.754
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	229.911.258
Số dư tại ngày 01/01/2010	**113.825.630.000**	-	**91.674.172**	**45.837.086**	**14.121.666.214**
Tăng vốn trong năm	36.174.370.000	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27.637.119.745
Trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	1.343.483.575	671.741.788	-
Giảm do trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	3.357.983.111
Chênh lệch tỷ giá tại 31/12/2010	-	15.647.096.304	-	-	-
Chia cổ tức, thưởng ban điều hành	-	-	-	-	10.741.865.243
Số dư tại ngày 31/12/2010	**150.000.000.000**	**(15.647.096.304)**	**1.435.157.747**	**717.578.874**	**27.658.937.605**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 số 31/NQ/ĐHCĐ-DVKT ngày 29/01/2010 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, tổng các quỹ được trích lập là 3.358.709 nghìn đồng, lợi nhuận chia cổ tức là 10.076.126 nghìn đồng (8,8%).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Vốn đăng ký theo Giấy CNĐKKD		Vốn thực tế góp			
			31/12/2010		31/12/2009	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	76.500.000.000	60,63	81.675.000.000	54,45	76.500.000.000	67,21
YTL Power Service Sdn.Bhd	27.000.000.000	21,40	27.000.000.000	18,00	27.000.000.000	23,72
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ (CFTD)	3.300.000.000	2,62	17.325.000.000	11,55	3.300.000.000	2,90
Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến thương mại KAF	-	-	3.162.732.330	2,11	2.400.000.000	2,11
Ngân hàng Đại Dương	-	-	12.000.000.000	8,00	-	-
Cổ đông khác	19.374.000.000	15,35	8.837.267.670	5,89	4.625.630.000	4,06
Tổng cộng	**126.174.000.000**	**100**	**150.000.000.000**	**100**	**113.825.630.000**	**100**

Vốn theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 13/10/2010 thì vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng, trong đó các cổ đông sáng lập của Công ty góp 126.174.000.000 đồng.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	31/12/2010	31/12/2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	11.382.563
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	11.382.563
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	11.382.563
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	11.382.563
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	11.382.563
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	*10.000*	*10.000*

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	839.155.333.649	1.123.475.843.983
	839.155.333.649	1.123.475.843.983
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**839.155.333.649**	**1.123.475.843.983**

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	792.002.867.615	1.099.177.057.214
Cộng	**792.002.867.615**	**1.099.177.057.214**

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.856.117.867	9.808.045.567
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	695.864.504
Doanh thu hoạt động tài chính khác	105.633	-
Cộng	**12.856.223.500**	**10.503.910.071**

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	200.646.362	-
Chi phí tài chính khác	-	11.431
Cộng	**200.646.362**	**11.431**

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	36.922.798.449	16.326.861.520
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	219.916.366	199.000.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	219.916.366	199.000.000
Thu nhập chịu thuế	37.142.714.815	16.525.861.520
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.285.678.704	4.131.465.380
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(1.239.439.614)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**9.285.678.704**	**2.892.025.766**

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm kết thúc 31/12/2010	Năm kết thúc 31/12/2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	11.382.563	11.317.730
Số lượng CP phát hành thêm	3.617.437	64.833
Số ngày lưu hành trong kỳ	311	365
Tổng số ngày	365	365
Số lượng CP lưu hành bình quân	14.464.818	11.382.563
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	**1.911**	**1.180**

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Bán hàng	-	-
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Cà Mau	863.162.378.859	1.106.474.609.965
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	50.740.066.171	1.825.965.642
Mua hàng	-	-
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	1.425.215.000
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	2.717.229.481
	-	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Cà Mau	160.439.566.749	449.082.297.742
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	4.840.032.912	-

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lương	1.279.787.325	-
Tiền thưởng	340.130.114	-
Các khoản phúc lợi khác	-	-
Cộng	**1.619.917.439**	**-**

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trong năm Công ty có các hợp đồng thuê văn phòng làm việc tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 1.499.461.649 đồng.

22. CAM KẾT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng số 0811-O&M-CM-008/DLDKCM-PVPS ngày 28/11/2008 ký giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) về gói thầu: Cung cấp vật tư, phụ tùng và dịch vụ kỹ thuật phục vụ để thực hiện toàn bộ công tác sửa chữa, bảo trì nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 trong 100.000 EOH đầu tiên, Giá trị hợp đồng là 544.667.880.384 VND và 371.810.785 EURO (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Thời hạn thực hiện hợp đồng là 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

- Hợp đồng số HĐ 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04/8/2010 ký giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) về việc: Bảo trì, sửa chữa nhà máy điện Nhơn Trạch 1 trong giai đoạn 108.000 EOH đầu tiên, Giá trị hợp đồng là 508.067.920.553 VND và 115.104.610 EURO (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Thời gian thực hiện hợp đồng là 14 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Một số số liệu được trình bày lại cho phù hợp với mục đích so sánh của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Phan Đại Thành
Tổng Giám đốc

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày tháng năm 2011

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

- Các nhận xét đặc biệt: Không có

2. Kiểm toán nội bộ: Không có

VI. Các công ty có liên quan

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty:

- Tên Doanh nghiệp: **Công ty TNHH một thành viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV-Power)**
- Địa chỉ: Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí, phố Trung Kính – Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà nội.
- Quyết định thành lập số: 1468/QĐ-DKVN ngày 17/5/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
- Giấy đăng ký KD số: 0102276173
- Vốn Điều lệ: 10.738.000.000.000 đồng (Mười ngàn, bảy trăm ba mươi tám tỷ đồng)
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Sản xuất và kinh doanh điện năng;
  - Đầu tư các dự án điện độc lập;
  - Đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng điện năng;

- Đầu tư và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, đào tạo, quản lý và vận hành… công trình điện
- Kinh doanh bất động sản.

- Tỷ lệ nắm giữ cổ phần tại PV POWER SERVICES: 51%
- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	đ	25,341,867,424,212	27,662,116,925,672	109.16%
Doanh thu thuần	đ	8,163,704,276,307	14,783,569,948,524	181.09%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	đ	76,218,612,796	150,627,842,658	197.63%
Lợi nhuận trước thuế	đ	329,076,983,405	149,550,791,379	45.45%
Lợi nhuận sau thuế	đ	329,076,983,405	140,776,946,987	42.78%

- Các dự án đang triển khai:
  - Nhà máy điện Cà Mau: công suất: 750 MW, địa điểm: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
  - Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1: công suất 450 MW, địa điểm: xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
  - Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1: công suất 750 MW, địa điểm: xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
  - Nhà máy phong điện đảo Phú Quý: công suất 6,3 MW, địa điểm: huyện đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận;
  - Thủy điện Hủa Na: công suất 180MW, địa điểm: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An;
  - Thủy điện Đăkđrinh: công suất 125MW, địa điểm: xã Sơn Tần, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi và huyện Kon Plong, tỉnh KonTum;

- Thủy điện Nậm Cắt: công suất 3,2 MW, địa điểm: xã Đôn Phongg, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

2. **Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ:** không có

3. **Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:**

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí (PV Tech)
- Tỷ lệ PV POWER SERVICES nắm giữ: 14% Vốn Điều lệ PV Tech
- Địa chỉ: Tầng 17-18, Toà nhà DMC Số 535 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Giấy đăng ký KD số: 0103035042
- Vốn Điều lệ: 36.000.000.000 đ (Ba mươi sáu tỷ đồng./.)
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Phát triển các công nghệ giải pháp khai thác giá trị gia tăng trong lĩnh vực truyền thông, phần mềm hỗ trợ thiết kế;
  - Cung cấp giải pháp, sản phẩm CNTT và Viễn Thông;
  - Phát triển phần mềm và dịch vụ phần mềm;
  - Tư vấn giải pháp và cung cấp các sản phẩm thiết bị trong lĩnh vực Tự động hóa;
  - Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và bảo hành bảo dưỡng;
  - Dịch vụ tư vấn và đào tạo;
  - Dịch vụ cung cấp dữ liệu Dầu khí và bản tin nội bộ Tập đoàn Dầu khí.
- Tỷ lệ cổ phần do PV POWER SERVICES nắm giữ tại PV Tech: 14% Vốn Điều lệ
- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	đ	67,276,233,238	77,415,446,038	115.07%
Doanh thu thuần	đ	65,108,529,612	103,591,475,230	159.11%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	đ	4,956,760,774	6,737,919,979	135.93%
Lợi nhuận trước thuế	đ	4,977,500,211	6,737,919,979	135.37%
Lợi nhuận sau thuế	đ	4,046,899,174	5,053,439,992	124.87%

- Các dự án đang thực hiện:
  - Cung cấp "Hệ thống xử lý dữ liệu cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2" cho Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LIALAMA)
  - Tư vấn quản lý dự án (PMC) cho công trình Trạm nghiền Xi măng Công Thanh, chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

Công ty được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ theo luật doanh nghiệp 2005, các luật khác liên quan và điều lệ Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty.

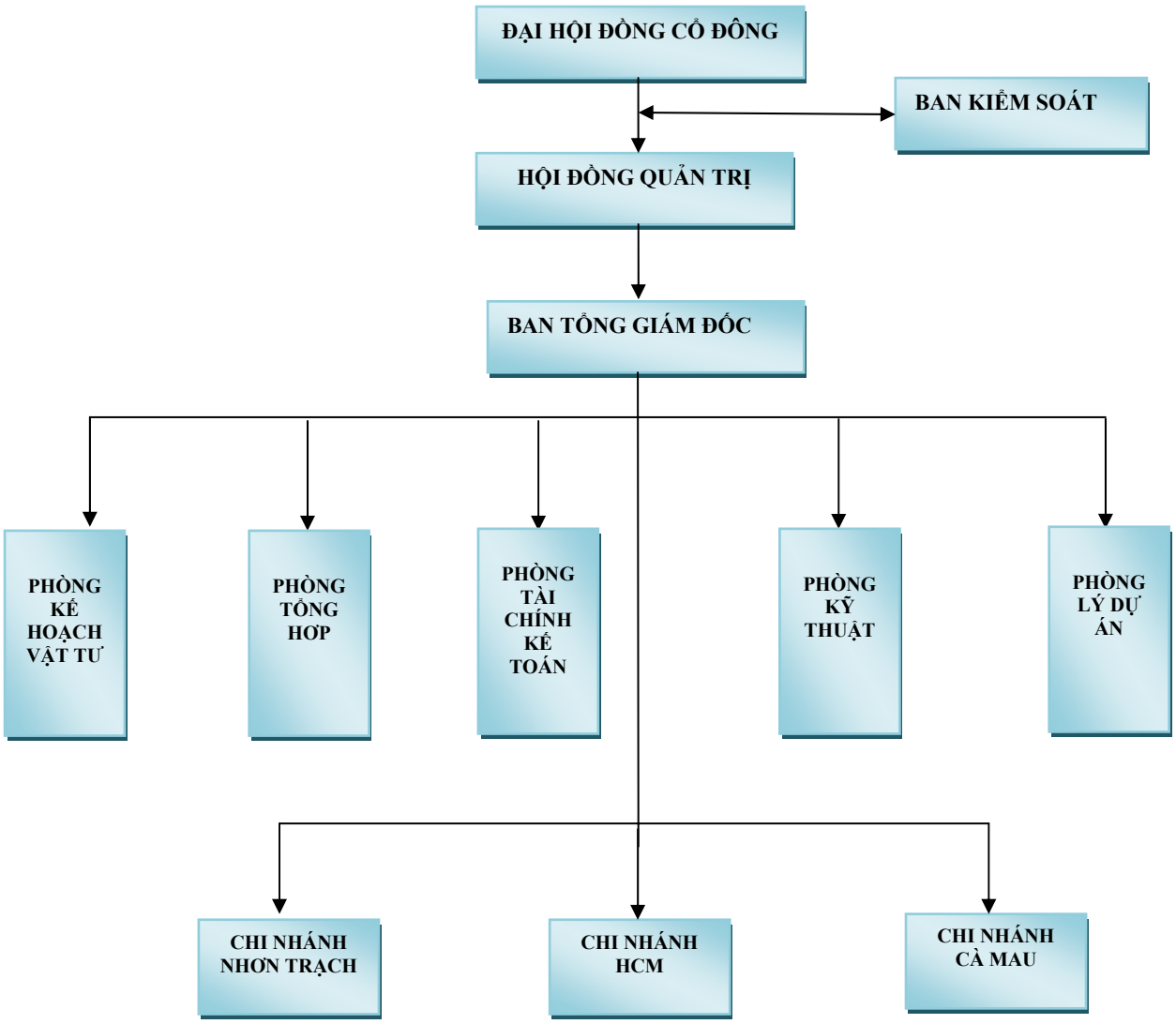

1.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

1.2 Hội đồng quản trị

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01(một) Chủ tịch HĐQT, và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền

lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Tổng Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

1.3 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát gồm 3 (ba) thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

1.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay bao gồm: 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám Đốc.

1.5 Khối điều hành:

Chức năng nhiệm vụ chính của các phòng ban trực thuộc;

1.5.1 Phòng Kế hoạch – Vật tư – Xuất nhập khẩu

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch SXKD, xuất – nhập khẩu, quản lý Hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước, quản lý công tác đấu thầu, kiểm soát hệ thống định mức chi phí, tiêu hao…cụ thể như sau:

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển ngắn hạn và dài hạn cho Công ty. Theo dõi và tổng hợp báo cáo việc thực hiện kế hoạch định kỳ và đột xuất phục vụ cho công tác đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh. Đề xuất các biện pháp đảm bảo kế hoạch đề ra.
- Thực hiện công tác soạn thảo, xây dựng giá dự thầu và đàm phán hợp đồng, quản lý kinh tế các hợp đồng của Công ty đúng theo quy chế, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

- Tham gia công tác quản lý, thực hiện các dự án đầu tư theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Tổ chức và giám sát các hoạt động đấu thầu.

1.5.2 Phòng Tổng hợp:

Phòng Tổng hợp là bộ phận tham mưu chuyên môn Tổng giám đốc về: tổ chức nhân sự; đào tạo, tuyển dụng cán bộ; công tác lương, thưởng, chế độ chính sách; Công tác văn thư văn phòng, quản trị hành chính; công tác đối ngoại của Công ty cụ thể như sau:

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong việc quản lý nguồn nhân lực, xây dựng, củng cố, kiện toàn, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.
- Xây dựng kế hoạch và phát triển nguồn nhân lực có đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức để đáp ứng cho nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tập hợp, nghiên cứu áp dụng và thực hiện các văn bản pháp luật và dưới luật, nội quy, quy chế của Công ty trong công tác tổ chức – hành chính, đảm bảo kịp thời và hiệu quả.
- Quản lý, theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác tổ chức – hành chính, chế độ chính sách đối với người lao động Công ty.
- Đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động của Công ty, quản lý đất đai, bố trí phòng làm việc, trang thiết bị văn phòng.
- Chức năng đối nội, đối ngoại.
- Theo dõi quản lý hiện vật, các dụng cụ, trang thiết bị văn phòng và tài sản của Công ty.

1.5.3 Phòng Tài chính – Kế toán:

Phòng Tài chính Kế toán là phòng chuyên môn trực thuộc Bộ máy điều hành Công ty có chức năng giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong công tác về tài chính kế toán, cụ thể như sau:

- Tham mưu cho Ban quản trị điều hành các vấn đề về tài chính.
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán, thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ đối với hoạt động kinh tế tài chính của Công ty.
- Lập các báo cáo tài chính – kế toán, báo cáo thống kê theo đúng các chuẩn mực, quy định của Nhà nước phục vụ cho công tác quản lý, điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức quản lý, theo dõi và chỉ đạo mọi mặt hoạt động Tài chính, kế toán, thống kê ở các đơn vị trực thuộc.
- Tạo lập, quản lý và phân phối các nguồn vốn phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và sự nghiệp đầu tư phát triển của Công ty theo kế hoạch dài hạn và ngắn hạn.
- Đề xuất phương án phân phối kết quả sản xuất kinh doanh theo chế độ tài chính của Nhà Nước và quy chế tài chính Công ty.
- Đào tạo, bồi dưỡng và quản lý đội ngũ cán bộ làm công tác Tài chính – Kế toán – Thống kê trong toàn Công ty.

1.5.4 Phòng Kỹ Thuật:

Phòng Kỹ thuật là bộ phận tham mưu chuyên môn cho Tổng giám đốc các vấn đề sau:

- Chỉ đạo và quản lý, phát triển hệ thống ISO trong hoạt động toàn Công ty. Kiểm tra giám sát kỹ thuật, chất lượng các hạng mục sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng do Công ty thực hiện.
- Đào tạo chuyên môn an toàn lao động trong hoạt động sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng.

- Xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên, an toàn viên tham gia giám sát, kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng trong toàn Công ty.

1.5.5 Phòng quản lý dự án

Phòng quản lý Dự án Công ty có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo công tác xây dựng, quản lý, theo dõi và triển khai thực hiện các dự án của trong và ngoài Công ty.

Lên kế hoạch và thực hiện công tác Marketing, xây dựng thương hiệu của Công ty

1.6 Khối chi nhánh

Chức năng nhiệm vụ chính của các chi nhánh.

1.6.1 Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hồ Chí Minh đặt tại 25-27 Đường số 1 – Cư xá, Chu Văn An – Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh Hồ Chí Minh có chức năng thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Thiết lập bộ máy quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan tại khu vực phía Nam.
- Hỗ trợ các Chi Nhánh Cà Mau và Nhơn Trạch trong các hoạt động SXKD.
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại địa bàn đặt trụ sở Chi nhánh.
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực phía Nam từ đó tham mưu cho Công ty trong việc khai thác thị trường và tận dụng các nguồn lực sẵn có để phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Tự khai thác và tổ chức thực hiện công tác dịch vụ kỹ thuật theo đúng ngành nghề kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và đảm bảo hiệu quả SXKD.

1.6.2 Chi nhánh Nhơn Trạch

Chi nhánh Nhơn Trạch tại xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai có chức năng thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan. Nhiệm vụ của Chi nhánh gồm:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan.
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Nhơn Trạch – Đồng Nai theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Tổng giám đốc Công ty.
- Thay mặt cho Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh Nhơn Trạch theo phạm vi được uỷ quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp.
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Nhơn Trạch – Đồng Nai và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường.
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện khu vực Nhơn trạch – Đồng Nai, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ khu vực Nhơn Trạch – Đồng Nai và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan, ...)

1.6.3 Chi nhánh Cà Mau:

Chi nhánh Cà Mau đặt tại Xã Khánh Xã, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau. Chi

nhánh Cà Mau có chức năng thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan. Nhiệm vụ của Chi nhánh gồm:

- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Cà Mau theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Tổng giám đốc Công ty.
- Thay mặt cho Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh Cà Mau theo phạm vi được uỷ quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp.
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Cà Mau và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường.
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ khu vực Cà Mau và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan, ...).
- Quản lý điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được uỷ quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Danh sách nhân sự chủ chốt PV POWER SERVICES

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	**Hội đồng quản trị**	
1	Cao Thị Liên	Chủ tịch HĐQT
2	Phan Đại Thành	Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc
3	Trần Viết Nguyên	Ủy viên HĐQT
4	Edwin Harald Burchardt	Ủy viên HĐQT
5	Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT
II	**Ban Kiểm soát**	
1	Phí Anh Đức	Trưởng BKS
2	Lê Đình Hiệu	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên BKS
III	**Ban Tổng giám đốc**	
1	Phan Đại Thành	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Xuân Bính	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
4	Mã Ngọc Kỳ	Phó Tổng Giám đốc
IV	**Kế toán trưởng**	
1	Tô Ngọc Tuyết	Kế toán trưởng

2.1. Hội đồng quản trị

2.1.1. Bà Cao Thị Liên – Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh : 26/11/1962

- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 19 Lý Nam Đế - Hoàn Kiếm – Hà nội
- Số CMND : 010178290 do Công an Hà Nội cấp 24/02/2004
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1987 – 3/1998	Công ty Điện lực Hà nội – Tổng công ty Điện lực Việt nam	Chủ nhiệm đề án
3/1998 – 11/2004	Xuất Nhập khẩu – Công ty Điện lực Hà nội	Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại
11/2004–12/2005	Công ty Điện lực Hà nội	Phó Giám đốc Trung tâm Viễn thông và CNTT
1/2006 – 8/2007	Công ty Điện lực Hà nội	Trưởng phòng Viễn thông và CNTT
9/2007 – 1/2008	Ban Kinh tế Kế hoạch Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng Kế hoạch – Hợp đồng
1/2008 – 5/2009	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban Kế hoạch
5/2009 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
  - Sở hữu đại diện : 2.250.000 Đại diện phần vốn của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.1.2 Ông Phan Đại Thành – Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 1/6/1970
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 96 A Ngõ 325 Kim Ngưu Hà Nội
- Số CMND : 011608864 do Công an Hà Nội cấp 08/12/2009
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 – 1996	Công ty thép Việt Úc	Kỹ sư giám sát điện
1997 – 2003	Tổng công ty Cơ khí Xây dựng (COMA)	Phó phòng Kế hoạch Đầu tư
2003 – 2005	Công ty Xây lắp và Dịch vụ kỹ thuật – COMA 15	Giám đốc

2005 – 2007	Công ty CP Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 – COMA 3	Giám đốc
2007 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân : 5.000 Cổ phần
  - Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần đại diện vốn góp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.1.2. Ông Trần Viết Nguyên - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ngày sinh : 29/12/1973
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 201, Nhà B, 2F Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hòa Kiếm, Tp. Hà Nội.
- Số CMND : 012649035 do Công an Hà Nội cấp 10/3/2003
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002 – 2006	Ban Khoa học – Công nghệ - Môi trường và Viễn thông Tập Đoàn Điện lực Việt Nam.	Chuyên viên
2006 – 2008	Trung tâm Iternet Điện lực - Tập Đoàn Điện lực Việt Nam.	Phó Giám đốc
2008 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.	Phó trưởng Ban Luật và Hợp tác Quốc Tế, Phó trưởng Ban kỹ thuật, Phó Trưởng Ban Kế hoạch, Phó Trưởng Ban Thương mại
2009 đến nay	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó trưởng Ban Luật và Hợp tác Quốc Tế, Phó trưởng Ban kỹ thuật, Phó Trưởng Ban Kế hoạch, Phó Trưởng Ban Thương mại Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
- Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần đại diện vốn góp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam
- Những người có liên quan : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.1.3 Ông Nguyễn Anh Tuấn – Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh : 20/01/1970
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú: Khu Nhà công vụ Khí - Điện -Đạm, P1, TP Cà Mau
- Số CMND : 022500040 do Công an TP.HCM cấp 17/8/2003
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị điện, kỹ sư CNTT
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994 – 1995	Cty TNHH Hữu Hồng	Kỹ sư sửa chữa lắp đặt máy phát Diezel
1995 – 1997	BQL Dự án các Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa	Kỹ sư
1997 – 1998	Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa	Trưởng ca vận hành
1998 – 2005	Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa	Phó quản đốc
2006 – 2007	BQL Dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau	Phó trưởng phòng Chuẩn bị sản xuất
3/2007 – 8/2007	Cty TNHH một thành viên Điện lực Dầu khí Cà Mau	Phó Tổng giám đốc
8/2008 – 5/2010	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.	Phó Tổng giám đốc Chi nhánh

6/2010 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.	Tổng giám đốc Chi nhánh
2008 đến nay	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Ủy viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng giám đốc chi nhánh Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân : 4.603 Cổ phần
  - Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần đại diện vốn góp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.1.4 Ông Edwin Harald Burchardt – Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh : 17/4/1939
- Quốc tịch : Đức
- Địa chỉ thường trú: 8th Floor, Menara ING, 84 Jalan Raja Chulan, 50200 Kuala Lumpur, Malaysia
- Số CMND/Hộ chiếu: C4K5F632K do Đại sứ quán Đức tại Kuala Lumpur cấp ngày 21/6/2010.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt nguyên tử
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

1962 – 1987	Công ty SIEMENS AG và AEG	Nhân viên
1987 – 1990	SIEMENS Power Generation Group KWU.	Giám đốc lắp máy và vận hành
1990 – 1993	Quản lý Dự án chu trình hỗn hợp Killinghome và Rye House tại Vương quốc Anh	Quản lý dự án
1994 đến nay	YTL Power Services Sdn Bhd tại Malaysia, năm 2004, kiêm quản lý dịch vụ bảo trì nhà máy điện than Paiton II công suất 1.220 MW tại Indonesia	Giám đốc Kiêm nhiệm: Tổng giám đốc PT YTL Jawa Timur, Giám đốc cao cấp Ventures Sdn Bhd, Giám đốc Cty TNHH PowerSeraya, Giám đốc đại diện Phòng Thương Mại & Công nghiệp Malaysia – Đức
12/2007	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Ủy viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kiêm nhiệm: Tổng giám đốc PT YTL Jawa Timur, Giám đốc cao cấp Ventures Sdn Bhd, Giám đốc Cty TNHH PowerSeraya, Giám đốc đại diện Phòng Thương Mại & Công nghiệp Malaysia – Đức
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

- Sở hữu đại diện vốn của YTL Sdn. Bhd : 2.700.000 cổ phần
- Những người có liên quan : 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2. Thành viên Ban Kiểm soát

2.2.1. Ông Phí Anh Đức– Trưởng ban kiểm soát

- Ngày sinh : 24/2/1977
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 24, Tổ 3, Ngõ 1160, Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND : 151202254 do Công an Thái Bình cấp 20/4/1994
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 – 2000	Công ty Kiểm toán Hà nội	Kiểm toán viên
2000 – 2007	Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Thanh tra viên
20/8/2007 – 31/8/2007	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban TCKT
1/9/2007 – 1/1/2008	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng Ban Tổng hợp kiêm trợ lý Chủ tịch Hội đồng thành viên
1/1/2008 – 12/2008	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam kiêm Trợ lý Chủ tịch Hội đồng	Phó Chánh văn phòng

	thành viên	
12/2008 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng ban Tài chính kế toán và kiểm toán
2010 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó trưởng ban Tài chính kế toán và kiểm toán – Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân : 2.900 Cổ phần
  - người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.2. Ông Lê Đình Hiệu – Thành viên BKS

- Ngày sinh : 18/3/1975
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 69 Chùa Bộc, Đống Đa - Hà Nội
- Số CMND : 172326853 do Công an Thanh Hóa cấp 25/5/2001
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

1999 – 2005	Nhân viên phân phối Khách sạn Công ty CP Du lịch Hồ Gươm	Nhân viên
2005 – 2006	Điều hành du lịch Công ty CP vận tải và Thương mại Đường Sắt	Nhân viên
2006 – 2007	Nhân viên phòng khách hàng DN Ngân hàng TMCP Á Châu	Nhân viên
13/8/2007 đến nay	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên
2010 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Thành viên BKS

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
  - người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.3. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan – Thành viên BKS

- Ngày sinh : 02/3/1967
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 36- Ngõ 61- Tây Sơn- Đống Đa- Hà Nội
- Số CMND : 011129218 do Công an 011129218 cấp 09/8/2008
- Trình độ văn hoá : 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 – 2002	Công ty TNHH KAF	Nhân viên kinh doanh
2003 – 2008	Công ty TNHH KAF	Quản lý nhân sự
2009 đến nay	Công ty TNHH KAF	Nhân viên kinh doanh
2009 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Thành viên BKS

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
  - người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.3. Ban Tổng giám đốc

2.3.1. Ông Phan Đại Thành – Tổng giám đốc (Xem chi tiết tại mục 12.1.2)

2.3.2. Ông Nguyễn Xuân Bính – Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 16/10/1973
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Diễn Châu, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Nhà 18 ngõ 82, Phú Viên, Bồ Đề, Long Biên, Hà nội

- Số CMND : 012332059 do Công an Hà Nội cấp 26/3/2000
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Điện tử Viễn thông; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2002	Công ty thông tin di động VMS	Chuyên viên đầu tư xây dựng
2002 – 2004	Công ty CP viễn thông Hà nội	Phó phòng hệ thống thông tin, Trưởng phòng hỗ trợ khách hàng
2004 – 2006	Công ty Điện thoại di động Viettel	Nhân viên
3/2006 – 3/2007	Cty Điện thoại di động Viettel	Phụ trách phòng Đầu tư
4/2007 – 11/2007	Cty Điện thoại di động Viettel	Phó trưởng phòng Kế hoạch mạng và đầu tư
11/2007 – 12/2007	Trung tâm điều hành Kỹ thuật	Trưởng Trung tâm kỹ thuật viễn thông Hà Tây
T12/2007 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt nam.	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân : 9.200 Cổ phần

- người có liên quan : 0 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.3.3. Ông Nguyễn Minh Tuấn – Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 28/10/1971
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 36B, Tổ 2, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND : 013328983 do Công an Hà nội cấp 27/7/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 1998	Văn phòng đại diện Fujitsu	Nhân viên phòng kỹ thuật
1998 – 2002	Công ty TNHH Việt Á	Trưởng phòng Dự án
2002 – 2007	Ban năng lượng – truyền tải và phân phối điện Văn phòng đại diện SIEMENS AG tại Việt Nam	Phụ trách dự án, phụ trách bán hàng
2007 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
  - người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.3.4. Ông Mã Ngọc Kỳ – Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 12/12/1972
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Trị Thiên
- Địa chỉ thường trú : 5/99/16A, đường Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND : 025337620 do Công an TP. HCM cấp 28/7/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2002	phân xưởng sửa chữa - Điện Phú Mỹ	Kỹ sư
2002 – 2007	Phú Mỹ 3 BOT	Kỹ sư phòng Bảo trì
2008 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
- người có liên quan : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.4. Kế toán trưởng

2.4.1. Bà Tô Ngọc Tuyết – Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 14/7/1975
- Quốc tịch :Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Uông Bí – Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: P. 818CT5 Đơn nguyên 2, Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND : 012452260 do Công an Hà nội cấp 27/6/2001
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1998 – 4/1999	Công ty KDVT & XL Sông Đà 15, Tổng công ty Sông Đà	Nhân viên TCKT
5/1999 – 6/2001	Xí nghiệp 15-1, Công ty KHVT&XL Sông Đà 15, Tổng công ty Sông Đà	Trưởng ban TCKT
7/2001 – 5/2002	Xí nghiệp Sông Đà 903, Công ty Sông Đà 9, Tổng công ty Sông Đà	Nhân viên Ban TCKT
6/2002 – 7/2003	Xí nghiệp Sông Đà 903, Công ty Sông Đà 9, Tổng công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
8/2003 – 10/2005	Công ty CP Sông Đà 909, Tổng công ty	Kế toán trưởng

	Sông Đà	
11/2005 – 5/2007	Công ty CP Sông Đà 909, Tổng công ty Sông Đà	Phó Kế toán trưởng
6/2007 – 11/2007	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Phó Phòng Tài chính Ban TCKT,
11/2007 – 4/2009	Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí VN	Kế toán trưởng
4/2009 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân : 2.000 Cổ phần
  - người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

3. **Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm:** Không có

4. **Quyền lợi của Ban Giám đốc**:

Thưởng cho Ban quản lý, điều hành trong các trường hợp sau:

- Trường hợp lợi nhuận thực hiện tăng 5%-10% so với lợi nhuận kế hoạch đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông, mức thưởng không vượt quá 5% quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.
- Trường hợp lợi nhuận thực hiện tăng trên 10% so với lợi nhuận kế hoạch đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông, mức thưởng không quá 7% quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tổng số lao động Công ty đến thời điểm 31/12/2010 như sau:

(Đơn vị: người)

Chỉ tiêu	Số lượng
Phân theo trình độ học vấn	*224*
1. Trên Đại học và Đại học	109
2. Cao đẳng	17
3. Trung cấp	88
4. Lao động phổ thông	10
Phân theo phân công lao động	*224*
1. HĐQT – Ban lãnh đạo Cty	6
2. Lao động quản lý	32
3. Lao động chuyên môn nghiệp vụ	186
Phân theo HĐLĐ	*224*
• HĐ Không xác định thời hạn	110
• HĐ xác định thời hạn từ 1-3 năm	104
• HĐ thời vụ	10
Phân theo độ tuổi	*224*
• Dưới 30 tuổi	101
• Từ 30-39 tuổi	98
• Từ 40-49 tuổi	18
• Từ 50-55 tuổi	5
• Trên 55 tuổi	2

5.1. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Công ty có quy trình tuyển dụng rõ ràng để lựa chọn những chuyên viên giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề, gắn bó làm việc với Công ty.

PV POWER SERVICES tạo mọi điều kiện giúp mỗi cá nhân phát triển nghề nghiệp đồng thời xây dựng một lực lượng đội ngũ kỹ sư lành nghề cho mình. Hàng

năm PV POWER SERVICES đều cử kỹ sư đào tạo tại chính các nhà sản xuất thiết bị của nhà máy điện. Các chương trình đào tạo của PV POWER SERVICES giúp chuyên viên có kỹ năng chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu công việc thực tế cũng như phát triển nghề nghiệp của bản thân

5.2. Chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện đúng qui chế về trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản suất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

- Từ khi công ty đi vào hoạt động cho đến nay, Công ty đã tiến hành xây dựng Qui chế lương và đã thực hiện theo đúng quy chế đã ban hành. Sau khi ban hành quy chế trả lương thưởng cho cán bộ công nhân viên và thành lập hội đồng lương PV Power Servies, hội đồng lương đã tiến hành rà soát và xắp xếp lại toàn bộ hệ thống lương của tất cả Cán bộ công nhân viên theo đúng hệ thống thang bảng lương đã đăng ký với Sở lao động Thành phố Hà Nội và ra quyết định cụ thể cho từng người.
- Việc giao và thực hiện kế hoạch theo cơ chế khoán và phân phối tiền lương tại Công ty và các đơn vị, bộ phận trực thuộc: Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo đúng định mức lao động, quỹ lương mà HĐQT Công ty giao cho sau khi có ý kiến của Tổng công ty.

Tình hình thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động: Khen thưởng, phúc lợi, ăn ca, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Được chi trả đầy đủ, đúng quy định của pháp luật Nhà nước và các quy định của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam cũng như của Công ty.Chính sách tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp của Công ty được xây dựng trên cơ sở tính chất công việc thực tế, quy định của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và các quy định của pháp luật.

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất: tiền lương hàng tháng được xác định trên cơ sở sản lượng, chất lượng sản phẩm thực hiện gắn với việc xếp loại thi đua, sự chấp hành nội quy, kỷ luật lao động và năng suất thực hiện;

Đối với cán bộ gián tiếp các phòng ban: được khoán quỹ lương theo tỷ lệ kế hoạch doanh thu, giá trị sản lượng sản xuất trên cơ sở biên chế đảm bảo hoàn thành khối lượng công việc được giao.

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên thực hiện cho khách hàng. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- Khen thưởng định kỳ theo quý, năm hoặc theo phong trào phát động;

- Ngoài ra nhân viên còn được hưởng thêm lương theo năng suất và hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng sáng kiến;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

6. Thay đổi Ủy viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng: **Không có**

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	CMTND/Hộ chiếu		
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp
I	**Hội đồng quản trị**				
1	Cao Thị Liên	Chủ tịch HĐQT	010178290	24/2/2004	Hà nội
2	Phan Đại Thành	Ủy viên HĐQT - TGĐ	011608864	08/12/2009	Hà nội
3	Edwin Harald Burchardt	Ủy viên HĐQT	C4K5F632K	21/6/2010	ĐSQ Đức tại Malaysia
4	Trần Viết Nguyên	Ủy viên HĐQT	012649035	10/3/2003	Hà nội
5	Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	022500040	17/08/2003	Tp. HCM
II	**Ban Kiểm soát**				
1	Phí Anh Đức	Trưởng ban	151202254	20/04/1994	Thái Bình
2	Lê Đình Hiệu	Thành viên	172326853	25/5/2001	Thanh Hóa

3	Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên	011129218	09/08/2008	Hà nội

1.2. Hoạt động của HĐQT:

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Hiện tại HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt nam có 05 thành viên, nhiệm kỳ là 5 năm, Hoạt động của Ủy viên HĐQT độc lập không điều hành:

1.3. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Hiện tại, Ban kiểm soát của PV POWER SERVICES gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ là 5 năm

1.4. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiểu quả và bảo quản vốn;
- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch phát triển trung và dài hạn,
- tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý;
- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm
- cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;

- Chuẩn bị nhân sự và xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2011- 2015;
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

1.5. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng Ủy viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành:

- Ủy viên HĐQT : 2.500.000 đ/tháng
- Thành viên BKS : 1.500.000 đ/tháng

1.6. Số lượng Ủy viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chứng chỉ đào tạo Quản trị KD
I	**Hội đồng quản trị**		
1	Cao Thị Liên	Chủ tịch HĐQT	Đào tạo ngắn hạn
2	Phan Đại Thành	Ủy viên HĐQT - TGĐ	Đào tạo ngắn hạn
3	Trần Viết Nguyên	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ
4	Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	Đào tạo ngắn hạn
II	**Ban Kiểm soát**		
1	Phí Anh Đức	Trưởng ban	Thạc sỹ
2	Lê Đình Hiệu	Thành viên	Đào tạo ngắn hạn
3	Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên	Đào tạo ngắn hạn

1.7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của Ủy viên HĐQT:

ST	Họ và tên	Chức vụ	Địa chỉ	CMND/Hộ	SLCP sở hữu

T			thường trú	chiếu	Sở hữu cá nhân	Sở hữu đại diện	Cộng
1	Cao Thị Liên	Chủ tịch HĐQT	19 Lý Nam Đế - Hoàn Kiếm – Hà nội	010178290		2.250.000	**2.250.000**
2	Phan Đại Thành	Ủy viên HĐQT, TGĐ	Số 96 A Ngõ 325 Kim Ngưu Hà Nội	011608864	5.000	1.800.000	**1.805.000**
3	Trần Viết Nguyên	Ủy viên HĐQT	Phòng 201, Nhà B, 2F Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hòa Kiếm, Tp. Hà Nội	012649035		1.800.000	**1.800.000**
4	Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	Khu Nhà công vụ Khí - Điện -Đạm, P1, TP Cà Mau	022500040	4.603	1.800.000	**1.804.603**
5	Edwin Harald Burchardt	Ủy viên HĐQT	8thFloor, Menara ING, 84 Jalan Raja Chulan, 50200 Kuala Lumpur, Malaysia	C4K5F632K		2.700.000	**2.700.000**
6	Phí Anh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	24, Tổ 3, Ngõ 1160, Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội	151202254	2.900		**2.900**

1.8. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các Ủy viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

1.9. Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của Ủy viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

2. *Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:*

STT	Tên cổ đông	ĐKKD/CMTND	Địa chỉ	Ngành nghề KD	Loại hình cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cty TNHH một thành viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	0102276173	Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, phố Trung Kính - Yên Hòa - Cầu Giấy - HN	Sản xuất và kinh doanh điện năng	Cổ đông góp vốn Nhà nước	7,650,000	51.00%
2	YTL Power Services Sdn. Bhd	27864U	Tầng 8, Menara ING, 84 Jalan Raja Chulan 50200 Kualalumpur, Malaysia	Dịch vụ kỹ thuật	Cổ đông nước ngoài	2,700,000	18.00%
3	Hoàng Hà	011287934	15A, ngõ 167, Thanh Nhàn, Hà nội		Cổ đông cá thể	19,000	0.13%
4	Nguyễn Duy Long	012909154	Số 182 C4, tập thể Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà nội		Cổ đông cá thể	7,500	0.76%
5	Phạm Đức Nghĩa	011764735	Số 12 ngách 155/164 Trường Chinh, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà nội		Cổ đông cá thể	10,000	0.07%
6	Đặng thị Việt Thúy	011829321	Số 5A2, tập thể Điện lực 1, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà nội		Cổ đông cá thể	22,000	0.15%
7	Đào Mạnh Hùng	011946672	P2F5, tập thể Cao su sao vàng, ngõ 41 đường Khương Đình, Thanh Xuân, Hà nội		Cổ đông cá thể	547,900	3.65%
8	Nguyễn Thanh Tùng	151286921	Đông Trung, Tiền Hải, Thái Bình		Cổ đông cá thể	8,000	0.05%
9	Đặng Chí Hiếu	012042597	Tầng 2, phòng 2, tập thể Cty Bách Hóa, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà nội		Cổ đông cá thể	31,500	0.21%

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tổng giám đốc
(Đã ký)